

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1950/STC-QLNS ngày 16/6/2017 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 165/STP-XDVB ngày 12/6/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

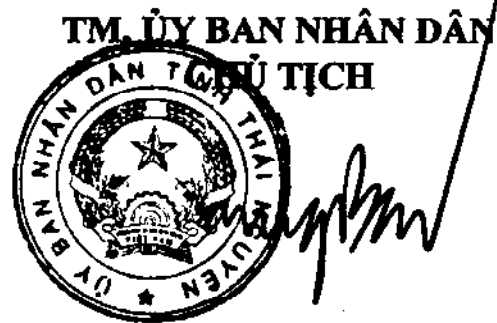
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2017 và thay thế Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Thái Nguyên, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . 2 ✓

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
 - Bộ Tư pháp;
 - TT Tỉnh ủy;
 - TT HĐND tỉnh;
 - Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - UB MTTQ tỉnh;
 - CT và các PCT UBND tỉnh;
 - Như Điều 3;
 - TT Thông tin tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - Lưu: VT, KT, CNN.
- (Dunglq/QĐ.29.07/60b) ✓



Vũ Hồng Bắc

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác
qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và
các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 20/7/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (bao gồm Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thành phố, thị xã) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây viết tắt là Ngân hàng CSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng CSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) ủy thác qua Ngân hàng CSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 quy định này.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan Tài chính được Ủy ban nhân dân các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với Ngân hàng CSXH

1. Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh).

2. Cấp huyện: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (sau đây viết tắt là cấp huyện) ủy quyền cho Phòng Tài chính - Kế hoạch ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Đối tượng cho vay

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và tình hình đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay thực tế của địa phương.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có) thực hiện theo quy định của Ngân hàng CSXH Việt Nam tại thời điểm vay.

Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do Ngân hàng CSXH các cấp xem xét, quyết định theo quy định của Ngân hàng CSXH Việt Nam trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của Ngân hàng CSXH Việt Nam trong từng thời kỳ.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. Ngân hàng CSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của Ngân hàng CSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng CSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính;

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ Dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Ngân hàng CSXH tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng CSXH trong từng thời kỳ, hiện nay là 0,33%/tháng (quy định tại Văn bản số 7964/VPCP-KTTH ngày 22/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phí quản lý đối với Ngân hàng CSXH giai đoạn 2016-2018). Mức chi phí quản lý của Ngân hàng được thay đổi theo mức chi phí quản lý được Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng CSXH theo từng thời kỳ.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng CSXH các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng CSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa bằng 15% số tiền lãi thu được, được chia theo tỷ lệ:

- Chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp: Tối đa bằng 5% số tiền lãi thu được.

- Chi cho hoạt động kiểm tra, giám sát, công tác khen thưởng: Tối đa bằng 10% số tiền lãi thu được.

Ngân hàng CSXH tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH cấp huyện thực hiện chi tiêu theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Ngân hàng CSXH theo quy định, đề nghị Ngân hàng CSXH tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH cấp huyện chủ động giảm chi phí trên số lãi thu được.

Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét, xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng CSXH.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro:

- Đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

- Đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ Dự phòng rủi ro tín dụng đã được Ngân hàng CSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Trường hợp Quỹ Dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện; Cơ quan Tài chính cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, Ngân hàng CSXH tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giám trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua Ngân hàng CSXH tỉnh, Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH cấp huyện.

Trường hợp Quỹ Dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ Dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Việc rà soát tình hình sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện hàng năm cùng thời điểm quyết toán ngân sách.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Ngân hàng CSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Ngân hàng CSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH cấp huyện: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH cấp huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

3. Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất Ngân hàng CSXH tỉnh, Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH cấp huyện báo cáo việc phân phối, sử dụng số tiền lãi thu được theo Điều 9 Quy chế này.

Điều 12. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng CSXH.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung nguồn vốn cho Ngân hàng CSXH trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

b) Trường hợp đột xuất cần bổ sung vốn cho vay đối với các đối tượng chính sách xã hội, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện kiểm tra tình hình và kết quả sử dụng vốn ngân sách ủy thác; tại các đối tượng vay khi cần thiết.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định hồ sơ hộ nghèo vay vốn bị rủi ro theo tổng hợp đề nghị của Ngân hàng CSXH, phúc tra và lập thủ tục xử lý báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

e) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng số tiền lãi thu được theo Điều 9 của Quy chế này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra tình hình và kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tình hình và kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác.

b) Phối hợp cùng Sở Tài chính thẩm định hồ sơ hộ nghèo vay vốn bị rủi ro, phúc tra và lập thủ tục xử lý báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

- a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm và Vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay;
- b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với Ngân hàng CSXH.

5. Ngân hàng CSXH tỉnh Thái Nguyên

- a) Quản lý và sử dụng vốn ủy thác theo đúng các quy định của pháp luật và quy định tại quy chế này.
- b) Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng.
- c) Chủ động và phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã

Chỉ đạo các cơ quan chức năng, các tổ chức chính trị - xã hội và Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH cấp huyện thực hiện đúng cơ chế, chính sách cho vay từ nguồn vốn ủy thác và làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện để thực hiện chính sách tín dụng đối với người vay vốn trên địa bàn.

7. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

- a) Chịu trách nhiệm xác nhận hồ sơ, đối tượng vay vốn.
- b) Phối hợp với Ngân hàng CSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ.
- c) Xác nhận việc đề nghị của người vay đối với trường hợp xin gia hạn nợ, xử lý nợ rủi ro; phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp trên trong việc phúc tra, xác định hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

8. Trách nhiệm của người vay vốn

- a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.
- b) Hoàn trả gốc, lãi vốn vay đúng thời hạn theo quy định.
- c) Trường hợp chây ỳ không trả nợ gốc, lãi và sử dụng vốn từ ngân sách địa phương không đúng mục đích sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Xử lý vi phạm

Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Hồng Bắc

